

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành
và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-
Ctr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX
Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành
chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020
– 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 149/TTr-
SKHĐT ngày 24 tháng 12 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành
và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định (gọi tắt là
chỉ số DDCI), gồm 09 chỉ số thành phần cụ thể như sau:

- (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin.
- (2) Tính năng động của sở, ban, ngành, địa phương.
- (3) Chi phí thời gian.
- (4) Chi phí không chính thức.
- (5) Cạnh tranh bình đẳng.
- (6) Hỗ trợ doanh nghiệp.
- (7) Thiết chế pháp lý.
- (8) Vai trò người đứng đầu.
- (9) Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất.

Các tiêu chí đánh giá của từng chỉ số thành phần được nêu chi tiết tại Phụ

lục kèm theo Quyết định này. Các chỉ số thành phần sẽ được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế hằng năm.

Điều 2. Đối tượng được đánh giá:

1. Khối các cơ quan thuộc tỉnh (16 cơ quan): Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Công Thương, Sở Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng, Sở Y tế.

2. Khối các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (06 cơ quan): Bảo hiểm xã hội tỉnh, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh.

3. Khối các địa phương: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Thời gian thực hiện:

Trước ngày 31 tháng 01 năm kế tiếp của năm đánh giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả chỉ số DDCI.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch khảo sát, đánh giá chỉ số DDCI và dự toán kinh phí thực hiện hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lựa chọn đơn vị thực hiện công tác điều tra, khảo sát phục vụ việc đánh giá chỉ số DDCI đảm bảo theo các quy định hiện hành; làm đầu mối phối hợp, hỗ trợ, cung cấp thông tin cần thiết để đơn vị khảo sát hoàn thành tốt công việc được giao.

- Tiếp nhận kết quả đánh giá, xếp hạng các cơ quan, đơn vị, địa phương và dữ liệu có liên quan từ đơn vị khảo sát; chủ trì thẩm định, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả và tham mưu tổ chức công bố kết quả chỉ số DDCI theo quy định.

- Phối hợp với đơn vị khảo sát và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Bộ chỉ số DDCI đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế hằng năm và giai đoạn.

2. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

- Phối hợp đề xuất, cung cấp danh sách đối tượng được khảo sát thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

- Phân công cán bộ đầu mối phối hợp với đơn vị khảo sát và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai khảo sát, đánh giá chỉ số DDCI.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các hội, hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp và Liên minh Hợp tác xã: phối hợp với đơn vị khảo sát trong việc khảo sát, lấy ý kiến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: phối hợp truyền thông về việc triển khai khảo sát, đánh giá chỉ số DDCI; kịp thời đưa tin trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- BCĐ CTHĐ 09 của Tỉnh ủy;
- ĐUK các cơ quan tỉnh;
- ĐUK Doanh nghiệp;
- TT các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH tỉnh;
- Hiệp hội DN tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Đài PTTH Bình Định, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC, BTCD;
- Lưu: VT, K1, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN,
NGÀNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THUỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2021 của UBND tỉnh)*

1. Cơ sở xây dựng Bộ chỉ số DDCI

1.1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

- Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-Ctr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 -2025;

- Công văn số 2570/UBND-KSTT ngày 11/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm vụ xây dựng Bộ chỉ số Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh (chỉ số DDCI).

1.2. Cơ sở thực tiễn

Cải thiện năng lực cạnh tranh và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh tiếp tục là một trong những ưu tiên trong công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ trong thời gian qua. Nhiệm vụ này được xem là một trong những bước đi cần thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực, với các hiệp định thương mại tự do quan trọng như CPTPP, EVFTA,... Đồng thời bắt đầu kỷ nguyên của một cộng đồng kinh tế ASEAN giàu tính liên kết và triển vọng.

Theo PCI 2020, tổng số điểm PCI tỉnh Bình Định đạt được là 63,18 (giảm 3,38 điểm so với năm 2019), xếp thứ 37 (thuộc nhóm Trung bình), giảm 18 bậc so với năm 2019, xếp thứ 8 trong nhóm Trung bình gồm 32 địa phương. Trong các năm qua, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Bình Định có chiều hướng giảm dần.

Trong bối cảnh chung đó, việc triển khai nhiệm vụ cải thiện năng lực cạnh tranh, môi trường kinh doanh đến cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện là giải pháp rất quan trọng và đã được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Trong đó, đưa ra nhiệm vụ đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thực

hiện đánh giá tính sáng tạo và kết quả điều hành của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Nhiệm vụ này xuất phát từ thực tế rằng hiệu quả chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân từ Trung ương hoặc cấp tỉnh sẽ không đạt mục tiêu kỳ vọng nếu như việc thực thi ở cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện còn những hạn chế. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể dù ở quy mô nào, xét cho cùng vẫn diễn ra tại địa bàn của một cấp cơ sở như huyện. Địa bàn cơ sở cấp huyện là nơi các cơ sở kinh doanh sẽ đặt nhà máy, xưởng sản xuất, sử dụng nguồn lao động địa phương hoặc sẽ sử dụng lao động từ nơi khác đến. Các cơ sở kinh doanh cũng sẽ có sự tương tác trực tiếp với sở, ban, ngành hoặc chính quyền cấp huyện nhiều hơn với chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Từ góc độ điều hành, các sở, ban, ngành cũng như chính quyền cấp huyện sẽ phải có những giải pháp điều hành phù hợp để tạo môi trường thuận lợi cho các cơ sở kinh doanh hoạt động hiệu quả.

Bên cạnh đó, DDCI với cách tiếp cận tập trung vào “kết quả thực hiện” công việc của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện qua đánh giá của doanh nghiệp mà không phải là “đầu ra của các hoạt động” của các đơn vị. Do đó, báo cáo đánh giá DDCI sẽ cung cấp thêm một góc nhìn mới và đồng thời làm rõ hơn về kết quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

Ngoài ra, thực tiễn cũng cho thấy điểm trung bình PCI giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có triển khai và không có triển khai đánh giá DCI/DDCI trong giai đoạn 2014 - 2018 cho thấy điểm số trung bình PCI các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có triển khai đánh giá chỉ số DDCI cao hơn 3,8 điểm so với các địa phương chưa triển khai đánh giá chỉ số DDCI. Đồng thời, điểm số các chỉ số thành phần của những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương áp dụng đánh giá chỉ số DDCI cũng cao hơn so với các địa phương không có đánh giá.

2. Mục tiêu, nguyên tắc thực hiện Bộ chỉ số DDCI

2.1. Mục tiêu xây dựng và triển khai Bộ chỉ số DDCI

2.1.1. Mục tiêu chung

Bộ chỉ số DDCI nhằm mục đích đánh giá năng lực điều hành của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các cơ quan thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương), từ đó tạo động lực cải cách hướng đến tạo môi trường thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, các doanh nghiệp đang hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng hình ảnh thân thiện và cầu thị của chính quyền các cấp đối với cộng đồng kinh doanh.

- Cung cấp cho lãnh đạo tỉnh một công cụ hiệu quả để giám sát và chỉ đạo cải thiện chất lượng điều hành đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, giúp lãnh đạo tỉnh xác định được những thực tiễn tốt trong cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, từ đó nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá khách quan năng lực điều hành của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến nhà đầu tư, doanh nghiệp, để từ đó hỗ trợ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị.

- Tạo sự cạnh tranh, thi đua lành mạnh về chất lượng điều hành giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, từ đó tạo động lực cải cách một cách mạnh mẽ, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; góp phần vào nỗ lực chung của tỉnh trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Tạo kênh thông tin tin cậy, cởi mở, rộng rãi để doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến nâng cao năng lực điều hành của chính quyền các cấp; nâng cao chất lượng quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

2.2. Nguyên tắc thực hiện Bộ chỉ số DDCI

Kinh nghiệm từ những nơi đã triển khai cho thấy, DDCI cần được xây dựng trên nền tảng của một số nguyên tắc cốt lõi để đảm bảo triển khai thành công, kết quả đánh giá có thể đạt được các mục tiêu mà chính quyền tỉnh đề ra. Cụ thể gồm 07 nguyên tắc như sau:

- Thực tế: DDCI được xây dựng dựa trên những rà soát, đánh giá sát với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trực tiếp tới chất lượng điều hành kinh tế và môi trường kinh doanh. Theo đó, bộ chỉ số sẽ ưu tiên đánh giá các chức năng, nhiệm vụ thực tế, có tính chất phổ biến, thường xuyên mà các cơ quan, đơn vị, địa phương đang đảm nhận.

- Gắn trách nhiệm cụ thể: các nội dung của DDCI phải phản ánh được cảm nhận của các đối tượng điều tra về kết quả xử lý các thủ tục hành chính, năng lực và thái độ phục vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; từ đó, triển khai thực hiện các giải pháp chi tiết, phân định rõ trách nhiệm và có hình thức khen thưởng, rút kinh nghiệm đối với từng cơ quan, đơn vị.

- Chính xác, khoa học và minh bạch: phương pháp xây dựng chỉ số và cách thức tiến hành khảo sát và việc phân tích kết quả cần phản ánh trung thực, khách quan cảm nhận của các đối tượng trong mẫu điều tra. Bên cạnh đó, việc chọn mẫu khảo sát cũng phải khoa học, đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy. Mẫu đối tượng tham gia đánh giá DDCI được lựa chọn khoa học qua các phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên để đảm bảo tính đại diện cho tổng thể đối tượng điều tra tại tỉnh. Minh bạch là nguyên tắc cốt lõi, đảm bảo cho sự thành công của việc triển khai DDCI. Cụ thể, đó là minh bạch về quy trình tổ chức thực hiện, về trách nhiệm cụ thể của đơn vị khảo sát cho tới phương pháp thực hiện với những phân tích, đánh giá dựa

trên bằng chứng rõ ràng thu thập được từ khảo sát chứ không phải là những đánh giá chủ quan của tổ chức thực hiện.

- Có ý nghĩa: kết quả rút ra từ khảo sát DDCI phải có ý nghĩa đối với việc cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực điều hành kinh tế chính quyền các cấp. Điều này thể hiện xuyên suốt từ việc lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá, xây dựng chỉ số thành phần cũng như chỉ số DDCI tổng hợp. Qua đó, góp phần chỉ ra những điểm đã làm tốt, những điểm còn hạn chế để các cơ quan, đơn vị, địa phương có định hướng cải cách phù hợp, góp phần vào nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh chung cho cả tỉnh một cách hiệu quả và bền vững.

- Bảo mật: mã hóa và lưu trữ phiếu trả lời DDCI theo nguyên tắc bảo mật danh tính của các doanh nghiệp, tổ chức phản hồi khảo sát theo Luật Thống kê hiện hành. Thực hiện điều này sẽ giúp tạo dựng lòng tin của người trả lời phiếu khảo sát, từ đó thông tin trả lời phiếu sẽ phản ánh chính xác với thực tế diễn ra.

- Thường xuyên, liên tục: được tổ chức khảo sát, đánh giá định kỳ hàng năm; kết quả DDCI được công bố công khai và làm cơ sở để đánh giá công tác thi đua hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Khả thi: Bộ chỉ số được xây dựng phù hợp với bối cảnh và khả năng thực hiện của tỉnh. Tính khả thi thể hiện qua sự hài hòa về chất lượng đánh giá, tiến độ thực hiện và đáp ứng được các ràng buộc về chi phí khảo sát, quỹ thời gian và sự sẵn có về nhân sự thực hiện. Việc xây dựng DDCI phải đảm bảo triển khai được trên diện rộng và thu thập được dữ liệu đảm bảo chất lượng để đánh giá, so sánh một cách khách quan nhất có thể.

3. Đối tượng được khảo sát, đánh giá của Bộ chỉ số DDCI

3.1. Đối tượng được khảo sát

Các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh, hợp tác xã đang hoạt động, sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Bình Định và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm đánh giá.

3.2. Đối tượng được đánh giá

Việc khảo sát, đánh giá sẽ được tiến hành đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở nghiên cứu chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Khỏi các cơ quan thuộc tỉnh (16 cơ quan): Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Công Thương, Sở Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng, Sở Y tế.

- Khối các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (06 cơ quan): Bảo hiểm xã hội tỉnh, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Cục Quản lý thị trường tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh.

- Khối các địa phương: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

4. Nội dung chi tiết Bộ chỉ số DDCI Bình Định

4.1. Nội dung áp dụng cho khối các cơ quan thuộc tỉnh và khối các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

Chỉ số thành phần	Tiêu chí
1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công được niêm yết đầy đủ, công khai
	2. Các văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp được công bố công khai
	3. Phí và lệ phí được công khai
	4. Cán bộ công chức hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng các thông tin trong quá trình giải quyết TTHC
	5. Trang thông tin điện tử (website) của sở, ban, ngành đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thông tin của doanh nghiệp
	6. Website có dịch vụ hỏi đáp/hỗ trợ trực tuyến
	7. Thực hiện TTHC trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh dễ dàng, đơn giản
	8. Doanh nghiệp nhanh chóng tìm được thông tin cần thiết trên website
	9. Công khai lấy ý kiến doanh nghiệp khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp
	10. Mọi quan hệ với cán bộ công chức cơ quan nhà nước giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC
	11. Mọi quan hệ với cán bộ công chức cơ quan nhà nước giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp
2. Tính năng động của sở, ban, ngành	1. Kịp thời, chủ động nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao
	2. Chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh
	3. Thực hiện có hiệu quả các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh
	4. Chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trong các trường hợp thiên

Chỉ số thành phần	Tiêu chí
	tai, dịch bệnh
3. Chi phí thời gian	1. Giải quyết TTHC đúng thời gian quy định
	2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, mẫu hóa cao
	3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể
	4. Doanh nghiệp không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC
	5. Số lần thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm
	6. Không có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra
	7. Hoạt động thanh tra, kiểm tra không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
	8. Nội dung thanh tra, kiểm tra không chồng chéo/trùng lặp
4. Chi phí không chính thức	1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm
	2. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi
	3. Chi phí không chính thức có xu hướng giảm so với các năm trước
5. Cạnh tranh bình đẳng	1. Không có sự ưu ái dành cho các doanh nghiệp lớn trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh
	2. Không có sự ưu ái trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (vốn, đất đai, đấu thầu...)
	3. Không có sự ưu ái khi thực hiện TTHC, dịch vụ công
	4. Các doanh nghiệp do nữ làm chủ/điều hành và các doanh nghiệp do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền như nhau
6. Hỗ trợ doanh nghiệp	1. Doanh nghiệp được mời tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...)
	2. Cán bộ công chức hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc
	3. Tích cực và thường xuyên triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ doanh nghiệp
	4. Chương trình hỗ trợ của các cơ quan nhà nước phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp
	5. Doanh nghiệp đã từng tham gia các buổi đối thoại do các cơ quan nhà nước tổ chức
	6. Những vấn đề đặt ra qua đối thoại, gặp gỡ doanh nghiệp

Chỉ số thành phần	Tiêu chí
	<p>được giải quyết kịp thời</p> <p>7. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi; hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại</p> <p>8. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trên các trang thông tin điện tử có hiệu quả</p>
7. Thiết chế pháp lý	<p>1. Thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của doanh nghiệp</p> <p>2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, công bằng</p> <p>3. Văn bản pháp luật đã ban hành trong năm hỗ trợ tốt cho hoạt động của doanh nghiệp</p> <p>4. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, kịp thời</p> <p>5. Doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của các cơ quan nhà nước</p> <p>6. Doanh nghiệp có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cơ quan có thẩm quyền khi cho rằng các cơ quan nhà nước làm trái quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC</p> <p>7. Phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp được giải quyết thỏa đáng</p> <p>8. Doanh nghiệp thường phải khiếu nại vượt cấp</p>
8. Vai trò người đứng đầu	<p>1. Lãnh đạo các cơ quan nhà nước chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ</p> <p>2. Lãnh đạo các cơ quan nhà nước có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp</p> <p>3. Lãnh đạo các cơ quan nhà nước trực tiếp điều hành các buổi tham vấn doanh nghiệp</p> <p>4. Lãnh đạo các cơ quan nhà nước giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của doanh nghiệp sau buổi tham vấn</p> <p>5. Lãnh đạo các cơ quan nhà nước kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền</p> <p>6. Lãnh đạo các cơ quan nhà nước đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ công chức có hành vi những nhiễu, gây khó khăn được doanh nghiệp phản ánh</p>

4.2. Nội dung áp dụng cho khối địa phương

Chỉ số thành phần	Tiêu chí
1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công được niêm yết đầy đủ, công khai
	2. Các văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp được công bố công khai
	3. Phí và lệ phí được công khai
	4. Cán bộ công chức hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng các thông tin trong quá trình giải quyết TTHC
	5. Trang thông tin điện tử của địa phương (website) đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thông tin của doanh nghiệp
	6. Website có dịch vụ hỏi đáp/hỗ trợ trực tuyến
	7. Thực hiện TTHC trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh dễ dàng, đơn giản
	8. Doanh nghiệp nhanh chóng tìm được thông tin cần thiết trên website
	9. Công khai lấy ý kiến doanh nghiệp khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp
	10. Mọi quan hệ với cán bộ công chức cơ quan nhà nước giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC
	11. Mọi quan hệ với cán bộ công chức cơ quan nhà nước giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp
2. Tính năng động của địa phương	1. Kịp thời, chủ động nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao
	2. Chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh
	3. Thực hiện có hiệu quả các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh
	4. Chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh
	5. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với doanh nghiệp
3. Chi phí thời gian	1. Giải quyết TTHC đúng thời gian quy định
	2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, mẫu hóa cao
	3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể

Chỉ số thành phần	Tiêu chí
	<p>4. Doanh nghiệp không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC</p> <p>5. Số lần thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm</p> <p>6. Không có hiện tượng nhũng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra</p> <p>7. Hoạt động thanh tra, kiểm tra không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>8. Nội dung thanh tra, kiểm tra không chồng chéo/trùng lặp</p>
4. Chi phí không chính thức	<p>1. Hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm</p> <p>2. Doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi</p> <p>3. Chi phí không chính thức có xu hướng giảm so với các năm trước</p>
5. Cạnh tranh bình đẳng	<p>1. Không có sự ưu ái dành cho các doanh nghiệp lớn trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh</p> <p>2. Không có sự ưu ái trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (vốn, đất đai, đấu thầu...)</p> <p>3. Không có sự ưu ái khi thực hiện TTHC, dịch vụ công</p> <p>4. Các doanh nghiệp do nữ làm chủ/điều hành và các doanh nghiệp do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền như nhau</p>
6. Hỗ trợ doanh nghiệp	<p>1. Doanh nghiệp được mời tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...)</p> <p>2. Cán bộ công chức hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc</p> <p>3. Tích cực và thường xuyên triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ doanh nghiệp</p> <p>4. Chương trình hỗ trợ của địa phương phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp</p> <p>5. Doanh nghiệp đã từng tham gia các buổi đối thoại do địa phương tổ chức</p> <p>6. Những vấn đề đặt ra qua đối thoại, gặp gỡ doanh nghiệp được giải quyết kịp thời</p> <p>7. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi; hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại</p> <p>8. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trên các trang thông tin điện tử</p>

Chỉ số thành phần	Tiêu chí
	có hiệu quả
7. Thiết chế pháp lý	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của doanh nghiệp 2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, công bằng 3. Văn bản pháp luật đã ban hành trong năm hỗ trợ tốt cho hoạt động của doanh nghiệp 4. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, kịp thời 5. Doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của địa phương 6. Doanh nghiệp có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cơ quan có thẩm quyền khi cho rằng các địa phương làm trái quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC 7. Phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp được giải quyết thỏa đáng 8. Doanh nghiệp thường phải khiếu nại vượt cấp
8. Vai trò người đứng đầu	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lãnh đạo địa phương chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ 2. Lãnh đạo địa phương có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp 3. Lãnh đạo địa phương trực tiếp điều hành các buổi tham vấn doanh nghiệp 4. Lãnh đạo địa phương giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của doanh nghiệp sau buổi tham vấn 5. Lãnh đạo địa phương kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền 6. Lãnh đạo địa phương đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ công chức có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được doanh nghiệp phản ánh
9. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất	<ol style="list-style-type: none"> 1. Doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận đất đai để mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh 2. Giá thuê, mua mặt bằng sản xuất kinh doanh tăng nhanh 3. Doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai 4. Có hiện tượng doanh nghiệp bị thu hồi đất đai không thỏa đáng 5. Chính quyền công khai lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương

Chỉ số thành phần	Tiêu chí
	6. Chính quyền chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai của doanh nghiệp
	7. Chính quyền hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

5. Phương pháp xử lý số liệu

5.1. Nhập dữ liệu

Phiếu khảo sát sau khi thu thập về sẽ được chuyển toàn bộ sang dạng mã hóa, khi việc nhập liệu hoàn tất, dữ liệu sẽ tiếp tục được phân tích với phần mềm xử lý số liệu.

5.2. Xử lý số liệu

- Làm sạch dữ liệu: thực chất việc “làm sạch dữ liệu” đối với điều tra chỉ số DDCI đã được thực hiện ngay từ bước chuẩn bị dữ liệu thông qua việc phát hiện các sai sót và hiệu chỉnh. Ở bước này, việc làm sạch dữ liệu có thể nhờ đến sự hỗ trợ của chương trình xử lý số liệu thống kê để phát hiện những lỗi tinh vi hơn của dữ liệu đã thu thập. Các thống kê mô tả và các biểu đồ của các biến là công cụ hữu ích để phát hiện các giá trị (thông tin) cá biệt - ngoại lai. Giá trị trung vị, nhỏ nhất, lớn nhất sẽ cho biết vùng dữ liệu quan sát được của mỗi biến. Đây chính là thông tin quan trọng xác định một biến nào đó có trường hợp ngoại lai không.

- Xử lý dữ liệu: sử dụng các phần mềm hỗ trợ gồm Microsoft Excel, SPSS 22.0 theo trình tự các bước như sau: các thông tin, ý kiến từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được tóm tắt và mã hóa dữ liệu bằng các đại lượng thống kê mô tả như trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất, tần suất, trung vị...

- Trích xuất dữ liệu khảo sát: việc trích xuất các dữ liệu khảo sát để phục vụ cho việc tổng hợp thành bảng số liệu. Bảng số liệu tổng hợp được dùng để tính điểm và so sánh giữa các đơn vị được khảo sát. Các dữ liệu được trích xuất này là những thống kê mô tả của từng thông số được xây dựng dựa trên các chỉ tiêu đánh giá và câu hỏi khảo sát.

6. Phương pháp tính điểm

Kế thừa cách tiếp cận PCI, chỉ số DDCI tại tỉnh Bình Định áp dụng phương pháp chuẩn hóa và quy điểm số, nhằm so sánh chất lượng hoạt động của mỗi đơn vị với thực tế tốt nhất về chất lượng điều hành. Mỗi chỉ số thành phần được xây dựng từ nhiều chỉ tiêu nhỏ. Mỗi chỉ tiêu được chuẩn hóa theo thang 10 điểm, đơn vị có thực tiễn tốt nhất sẽ đạt điểm 10, đơn vị có thực tiễn kém nhất tương ứng với điểm 0; các đơn vị còn lại sẽ có số điểm nằm giữa 0 và 10.

- Đối với các chỉ tiêu thuận, tức là càng cao thì càng tốt (ví dụ, chỉ tiêu tỉ lệ doanh nghiệp đánh giá Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin của sở, ngành/địa

phương là DỄ). Điểm của các đơn vị còn lại nằm trong khoảng thấp nhất đến cao nhất sẽ được tính theo công thức:

A: Điểm cao nhất của tất cả các đơn vị.

B: Điểm thấp nhất của tất cả các đơn vị.

C: Điểm của đơn vị đánh giá.

$$(10*(A - B) - (A - C)*(10-1))/(A - B).$$

- Đối với các chỉ tiêu nghịch, tức là càng thấp càng tốt (như chỉ tiêu Tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức). Điểm của các đơn vị còn lại nằm trong khoảng thấp nhất đến cao nhất sẽ được tính theo công thức:

A: Điểm cao nhất của tất cả các đơn vị.

B: Điểm thấp nhất của tất cả các đơn vị.

C: Điểm của đơn vị đánh giá.

$$(10*(B - A) - (B - C)*(10-1))/(B - A).$$

Điểm thành phần của 01 chỉ tiêu thành phần sẽ là trung bình cộng của tất cả các câu hỏi trong chỉ tiêu đó.

7. Tổng hợp dữ liệu cuối cùng và viết báo cáo phân tích

Bước cuối cùng là tổng hợp điểm số của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo thứ tự điểm số DDCI từ cao đến thấp và phân loại nhóm các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả phân loại được đánh giá như sau:

- Đạt từ 80 đến 100 điểm: Nhóm rất tốt;
- Đạt từ 70 đến dưới 80 điểm: Nhóm tốt;
- Đạt từ 60 đến dưới 70 điểm: Nhóm khá;
- Đạt từ 50 đến dưới 60 điểm: Nhóm trung bình;
- Đạt từ 40 đến dưới 50 điểm: Nhóm tương đối thấp;
- Đạt dưới 40 điểm: Nhóm thấp.

Các dữ liệu tổng hợp kết quả của từng chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá cũng sẽ được trình bày cụ thể để làm tư liệu cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tham khảo và có hướng cải thiện. Trên cơ sở dữ liệu tổng hợp, đơn vị khảo sát sẽ xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát; đồng thời sẽ phối hợp với cơ quan chủ trì tổ chức công bố kết quả Báo cáo chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định; đồng thời, kiến nghị những giải pháp cần triển khai để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Bình Định trong những năm tiếp theo./.